



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Ngày thi: 28/03/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Dương Minh Tâm

Ký tên:

Giám thị 2: Cao Văn Tài

Ký tên:

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003					C26QT1	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006					C26QT1	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006					C26QT1	
4	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006					C26QT2	
5	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006					C26QT1	
6	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006					C26QT2	
7	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006					C26QT1	
8	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006					C26QT2	
9	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006					C26QT1	
10	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006					C26QT2	
11	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006					C26QT2	
12	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006					C26QT1	
13	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006					C26QT1	
14	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006					C26QT1	
15	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006					C26QT2	
16	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006					C26QT1	
17	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005					C26QT2	
18	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006					C26QT1	
19	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006					C26QT1	
20	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006					C26QT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 19 vắng thi: 4 Số bài thi/Số tờ: 19 / _____

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

1 TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tiền tệ - Ngân hàng

Mã bài thi: 6I7HVV

Thời gian thi: 28/03/2025 15:15:00

Thời gian kết thúc: 28/03/2025 16:15:00

Giám thị 1: Dương Thị Thanh Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: Nguyễn Thị Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/08/2003	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C26QT1	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/08/2006	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C26QT1	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26QT1	
4	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26QT2	
5	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26QT1	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C26QT1	
7	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C26QT2	
8	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C26QT2	
9	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C26QT1	
10	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26QT2	
11	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	<u>[Signature]</u>	4.6	Bốn, sáu	C26QT2	
12	2410100019	Nguyễn Thị Thủy Hằng	28/02/2006	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C26QT1	
13	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26QT1	
14	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C26QT1	
15	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26QT2	
16	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26QT2	
17	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26QT1	
18	2410100031	Nguyễn Bùi Tiêu Huyền	11/12/2006	<u>[Signature]</u>	3.4	Ba, bốn	C26QT1	
19	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26QT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 19

Số sinh viên đạt: 18

Ngày 3 tháng 4 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Hoa

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Lê Trung Sơn

PHÒNG
KIỂM THỊ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

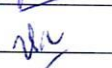
Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: Lê Anh Thy Thy

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 28/03/2025

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006					C26QT2	
2	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005					C26QT1	
3	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006					C26QT1	
4	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006					C26QT1	
5	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006					C26QT1	
6	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006					C26QT1	
7	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006					C26QT1	
8	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006					C26QT2	
9	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006					C26QT2	
10	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004					C24QT7	
11	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006					C26QT2	
12	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002					C26QT1	
13	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006					C26QT2	
14	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006					C26QT1	
15	2210100152	Nguyễn Quốc Tín	26/10/2002					C24QT5	
16	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002					C26QT2	
17	2410100002	Phạm Trung Trục	04/07/2004					C26QT1	
18	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002					C26QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 18 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: _____/_____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 3 tháng 4 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

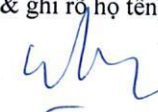
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày: 2 tháng 4 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tiền tệ - Ngân hàng

Mã bài thi: 0UZBQ3

Thời gian thi: 28/03/2025 15:15:00

Thời gian kết thúc: 28/03/2025 16:15:00

Giám thị 1: Lê Anh Thy Thy Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Phạm Thị Hương Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	<u>Kim</u>	5.8	Năm, tám	C26QT2	
2	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	<u>Linh</u>	6	Sáu	C26QT1	
3	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	<u>Ngân</u>	6	Sáu	C26QT1	
4	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	<u>Ngân</u>	7.6	Bảy, sáu	C26QT1	
5	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	<u>Nguyên</u>	6	Sáu	C26QT1	
6	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	<u>Nhi</u>	7.8	Bảy, tám	C26QT1	
7	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	<u>Nhung</u>	6	Sáu	C26QT1	
8	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	<u>Ny</u>	6.6	Sáu, sáu	C26QT2	
9	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	<u>Phúc</u>	5.8	Năm, tám	C26QT2	
10	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004	<u>Phúc</u>	4.4	Bốn, bốn	C24QT7	
11	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	<u>Phượng</u>	5.4	Năm, bốn	C26QT2	
12	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	<u>Thi</u>	5.4	Năm, bốn	C26QT1	
13	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	<u>Thơ</u>	6	Sáu	C26QT2	
14	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	<u>Thu</u>	6.4	Sáu, bốn	C26QT1	
15	2210100152	Nguyễn Quốc Tín	26/10/2002	<u>Tín</u>	6.4	Sáu, bốn	C24QT5	
16	2410100002	Phạm Trung Trực	04/07/2004	<u>Trực</u>	7	Bảy	C26QT1	
17	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	<u>Trung</u>	6	Sáu	C26QT2	
18	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	<u>Xuân</u>	5	Năm	C26QT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 18

Số sinh viên đạt: 18

Ngày 3 tháng 4 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Hoa

Ngày 2 tháng 4 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Lê Trung Sơn



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

BỘ SƯ TỬ
AN

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn	Anh	03/8/2003	C26QT1	<i>anh</i>	7,5	bảy, năm	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh	Anh	13/8/2006	C26QT1	<i>th</i>	7,0	bảy, không	
3	2410100018	Trần Ngọc	Ánh	16/07/2006	C26QT1	<i>ph</i>	6,5	sáu, năm	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim	Cương	09/04/2006	C26QT1	<i>Cuong</i>	8,0	tám, không	
5	2410100026	Lê Thanh	Dương	22/12/2006	C26QT1	<i>ph</i>	6,5	sáu, năm	
6	2410100004	Tạ Duy	Đặng	16/10/2006	C26QT1	<i>ph</i>	7,5	bảy, năm	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	28/02/2006	C26QT1	<i>th</i>	6,5	sáu, năm	
8	2410100029	Lê Chí	Hậu	05/11/2006	C26QT1	<i>hau</i>	7,0	bảy, không	
9	2410100017	Nguyễn Đức	Hậu	31/01/2006	C26QT1	<i>hau</i>	7,5	bảy, năm	
10	2410100025	Nguyễn Quốc	Huy	10/06/2006	C26QT1	<i>Huy</i>	6,5	sáu, năm	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu	Huyền	11/12/2006	C26QT1	<i>h</i>	7,5	bảy, năm	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc	Huyền	11/12/2006	C26QT1	<i>huy</i>	8,0	tám, không	
13	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc	Linh	07/09/2005	C26QT1	<i>linh</i>	8,0	tám, không	
14	2410100022	Kim Thị Thúy	Ngân	18/05/2006	C26QT1	<i>th</i>	7,0	bảy, không	
15	2410100028	Nguyễn Thị Kim	Ngân	25/01/2006	C26QT1	<i>ngan</i>	8,0	tám, không	
16	2410100032	Lý Minh	Nguyên	04/06/2006	C26QT1	<i>ng</i>	7,5	bảy, năm	
17	2410100020	Phạm Thị Ái	Nhi	03/08/2006	C26QT1	<i>th</i>	7,5	bảy, năm	
18	2410100023	Võ Thị Tuyết	Nhi	06/03/2006	C26QT1				
19	2410100024	Phạm Kiều	Nhung	06/09/2006	C26QT1	<i>Nhung</i>	6,0	sáu, không	
20	2410100030	Trần Việt	Phú	03/12/2004	C26QT1				
21	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc	Thi	23/06/2002	C26QT1	<i>th</i>	7,5	bảy, năm	
22	2410100016	Lê Thị Ngọc	Thu	23/03/2006	C26QT1	<i>th</i>	8,0	tám, không	
23	2410100002	Phạm Trung	Trúc	04/07/2004	C26QT1	<i>tr</i>	8,0	tám, không	
24	2410100010	Trần Thanh Trúc	Xuân	11/10/2002	C26QT1	<i>tr</i>	8,0	tám, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 02. Số bài thi: /.

Ngày 16 tháng 3 năm 2025.

P. TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 15 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

- Lưu ý:**
- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____/_____.

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯ
KI



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

b3 h thi ra

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	C26QT1	<i>Anh</i>	8,5	tám, năm	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	C26QT1	<i>Anh</i>	8,5	tám, năm	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	C26QT1	<i>Anh</i>	8,0	tám, không	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	C26QT1	<i>Cương</i>	9,0	chín, không	
5	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	C26QT1	<i>Dương</i>	8,0	tám, không	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	C26QT1	<i>Duy</i>	6,5	sáu, năm	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	C26QT1	<i>Hằng</i>	8,5	tám, năm	
8	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	C26QT1	<i>Hậu</i>	9,0	chín, không	
9	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	C26QT1	<i>Hậu</i>	7,0	bảy, không	
10	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	C26QT1	<i>Huy</i>	8,5	tám, năm	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	C26QT1	<i>Huyền</i>	8,0	tám, không	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	C26QT1	<i>Huyền</i>	9,0	chín, không	
13	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	C26QT1	<i>Linh</i>	9,0	chín, không	
14	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	C26QT1	<i>Ngân</i>	7,5	bảy, năm	
15	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	C26QT1	<i>Ngân</i>	9,0	chín, không	
16	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	C26QT1	<i>Nguyên</i>	8,0	tám, không	
17	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	C26QT1	<i>Nhi</i>	9,0	chín, không	
18	2410100023	Võ Thị Tuyết Nhi	06/03/2006	C26QT1				
19	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	C26QT1	<i>Nhung</i>	8,5	tám, năm	
20	2410100030	Trần Việt Phú	03/12/2004	C26QT1				
21	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	C26QT1	<i>Thi</i>	8,0	tám, không	
22	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	C26QT1	<i>Thu</i>	8,5	tám, năm	
23	2410100002	Phạm Trung Trục	04/07/2004	C26QT1	<i>Trục</i>	9,0	chín, không	
24	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	C26QT1	<i>Xuân</i>	8,5	tám, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 02 . Số bài thi: _____ / _____.Ngày 16 tháng 3 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa
Ngày 15 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____/_____.

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯ

KI



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100050	Trần Đức Anh	23/01/2006	C26QT2	/	/	/	
2	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2	Bao	6,5	sáu, năm	
3	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2	Diệu	8,5	tám, năm	
4	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2	Thùy	8,0	tám, không	
5	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2	Hiếu	6,5	sáu, năm	
6	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2	Huy	5,0	năm, không	
7	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2	Hy	7,5	bảy, năm	
8	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	C26QT2	Kim	6,5	sáu, năm	
9	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2	Ny	7,5	bảy, năm	
10	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2	Phúc	7,5	bảy, năm	
11	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2	Phượng	8,0	tám, không	
12	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2	Thơ	8,0	tám, không	
13	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2	Trung	7,5	bảy, năm	
14	2410100051	Lê Ngọc Tường Vi	06/07/2005	C26QT2	/	/	/	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 12 vắng thi: 02. Số bài thi: 1.

Ngày 16 tháng 3 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 15 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100050	Trần Đức Anh	23/01/2006	C26QT2		8,5	tám, năm	
2	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2		8,5	tám, năm	
3	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2		8,5	tám, năm	
4	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2		9,0	chín, không	
5	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2		8,5	tám, năm	
6	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2		9,0	chín, không	
7	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2		9,0	chín, không	
8	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	C26QT2		8,0	tám, không	
9	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2		9,0	chín, không	
10	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2		8,5	tám, năm	
11	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2		9,0	chín, không	
12	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2		9,0	chín, không	
13	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2		6,5	sáu, năm	
14	2410100051	Lê Ngọc Tường Vi	06/07/2005	C26QT2				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 02 . Số bài thi: / .

Ngày 16 tháng 3 năm 2025 .

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hà

Ngày 15 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150052	Lê Minh	Đức	21/11/2006	C26QT2		7,0	ba, bảy	
2	2410100045	Trần Thị Hồng	Gấm	01/01/2006	C26QT2		7,5	ba, năm	
3	2410100043	Nguyễn Tấn	Thành	27/12/2006	C26QT2		/	/	
4	2410100037	Nguyễn Minh	Thiệu	03/10/2002	C26QT2		/	/	
5	2410100047	Lê Huỳnh Song	Thư	16/08/2002	C26QT2		/	/	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 03. Số bài thi: / .

Ngày...tháng...năm...2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày...tháng...năm...2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150052	Lê Minh	Đức	21/11/2006	C26QT2	<i>Lúc</i>	9,0	<i>chín, không</i>	
2	2410100045	Trần Thị Hồng	Gấm	01/01/2006	C26QT2	<i>S</i>	8,0	<i>tám, không</i>	
3	2410100043	Nguyễn Tấn	Thành	27/12/2006	C26QT2	/	/	/	
4	2410100037	Nguyễn Minh	Thiệu	03/10/2002	C26QT2	/	/	/	
5	2410100047	Lê Huỳnh Song	Thư	16/08/2002	C26QT2	/	/	/	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 03 . Số bài thi: 1 / 1 .

Ngày 16 tháng 3 năm 2025 .

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 15 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung Sơn - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100027	Nguyễn Văn Linh	28/07/2005	C26QT1	Linh	6,5	đủ, năm	
2	2410100007	Nguyễn Yến Thư	10/10/2006	C26QT1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 01 . Số bài thi: _____ / _____ .

Ngày 16 tháng 3 năm 2025 .

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 15 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung Sơn

PHÒNG
KHOA THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100027	Nguyễn Văn Linh	28/07/2005	C26QT1	linh	6,5	sáu, năm	
2	2410100007	Nguyễn Yến Thư	10/10/2006	C26QT1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 01 vắng thi: 01. Số bài thi: /

Ngày 16 tháng 3 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 15 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100152	Nguyễn Quốc Tín	26/10/2002	C24QT5		8,0	tám, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____.

Ngày 16 tháng 3 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Phú Hòa

Ngày 15 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Tín	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100152	Nguyễn Quốc	Tín	26/10/2002	C24QT5	<i>[Signature]</i>	9,0	chín, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____.

Ngày 16 tháng 3 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Trần Phú Hòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Lê Trung San



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004	C24QT7	<i>Phúc</i>	7,5	bảy, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nhan
Trần Phú Hòa.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025.

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004	C24QT7	<i>Phúc</i>	9.5	chính, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025.

f. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Trần Thị Hoa

Ngày 15 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung Sơn - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100080	Đặng Trần Hoàng Phước	12/11/1999	C25QT3		7,5	ba, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0. Số bài thi: _____ / _____.

Ngày 16 tháng 3 năm 2025.

Ngày 15 tháng 3 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thu Hoa.

Lê Trung Sơn



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ *L2*
Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039
Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2
Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)
Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100080	Đặng Trần Hoàng Phước	12/11/1999	C25QT3	<i>[Signature]</i>	9,5	chín, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.
Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 .

Ngày 16 tháng 3 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)
[Signature]
Trần Phú Hòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)
[Signature]
Lê Trung San